

Bản án số: **1155/2024/HS-PT**

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiêu

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Mai Phương - *Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 892/TLPT-HS ngày 10/10/2024 đối với bị cáo Đỗ Văn V do có kháng cáo của bị cáo trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo: Đỗ Văn V**, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Đỗ Văn D (*đã chết*); Con bà Hoàng Thị M; Vợ Nguyễn Thị N; Con: Có 02 con (sinh năm 2003 và 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 163 ngày 24/10/2014, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xử phạt bị cáo 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “*Đánh bạc*”; Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt tại phiên toà.*

*** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn V:** Các luật sư Nguyễn Văn H, Dương Lê Ước A, Công ty L3; *Vắng mặt tại phiên toà.*

*** Bị cáo khác trong vụ án không kháng cáo:** Phan Văn L, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Con ông Phan Văn V1; Con bà Phan Thị P; Có vợ là Trần Thị Hoa N1.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không kháng cáo:**

- Chị Trần Thu H1- sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị N- sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị H2- sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Điện N2- sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Văn phòng C.

(Bị cáo Phan Văn L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, do có nhu cầu đầu tư bất động sản nên chị Trần Thu H1, sinh 1984, trú tại thôn P, xã B, huyện S, TP Hà Nội đã nhiều lần vay tiền của Đỗ Văn V, sinh 1977, trú tại đội 2, N, xã K, huyện Đ, TP Hà Nội. Cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 21/6/2022, Đỗ Văn V cho chị Trần Thu H1 vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 01 ngày theo hình thức công chứng ủy quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, diện tích 2157m² tại thôn P, xã B, huyện S, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K142034, do UBND huyện S cấp ngày 25/3/1998 cho ông Nguyễn Văn N3 và bà Phan Thị Minh H3. Đỗ Văn V cắt lãi 30 ngày lần thứ nhất là 90.000.000 đồng và chuyển tổng số 910.000.000 đồng từ số tài khoản 1341005821081 của V tại ngân hàng A2 đến tài khoản hàng V2 số tài khoản 0011004266369 của chị H1 với nội dung “Mua đất của hàng” (chuyển khoản 03 lần).

Ngày 22/6/2022, tại Văn phòng C, số D, tổ A, thị trấn S, Hà Nội, chị H1 (nhận ủy quyền quản lý, sử dụng, định đoạt lại từ bà Nguyễn Thị Tuyết L1; bà L1 nhận ủy quyền quản lý, sử dụng, định đoạt lại từ ông Nguyễn Văn N3 và bà Phan Thị Minh H3) và anh Nguyễn Điện N2 (là em rể của V), sinh 1976, trú tại Đội 1 Nhuế, xã K, huyện Đ, Hà Nội đã ký HĐ ủy quyền, nội dung: Chị H1 ủy quyền cho N2 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất trên.

Ngày 22/07/2022, chị H1 đã chuyển từ tài khoản ngân hàng V3 số 100867951430 của mình đến số tài khoản trên của V 90.000.000 đồng, nội dung “chuyển tiền lãi đợt 2”.

Ngày 22/08/2022, chị H1 chuyển trả cho V 1.000.000.000 đồng (trong đó có 90.000.000 đồng tiền lãi lần 3) từ tài khoản ngân hàng V2 của chị đến tài khoản trên của V, nội dung “Trần Thu H4 chuyển tiền”. Khoản vay này hai bên đã tất toán xong. Ngày 22/8/2022, chị H1 và N2 đến phòng công chứng PTT, thị trấn S ký văn bản chấm dứt hợp đồng ủy quyền với N2.

Đối với khoản vay trên, số tiền gốc V cho H1 vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất: 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015) kể từ ngày 21/6/2022, trong thời hạn 02 tháng. Tổng số

tiền lãi chị H1 đã trả cho V là 180.000.000 đồng. Số tiền lãi V được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 32.876.712 đồng, số tiền thu lời bất chính là: 147.123.288 đồng.

- *Lần thứ 2:* Ngày 10/9/2022, chị H1 vay của V số tiền 900.000.000 đồng theo hình thức công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K142034 nêu trên. Lãi suất hai bên thống nhất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thỏa thuận trả lại vào ngày mùng 10 hàng tháng, với số tiền 81.000.000 đồng. Cùng ngày, V chuyển khoản trước số tiền 700.000.000 đồng cho chị H1. Ngày 12/9/2022, tại văn phòng C, chị H1 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho V và Nguyễn Thị N (vợ V). Ngày 15/09/2022, V chuyển khoản nốt cho chị H1 vay số tiền 200.000.000 đồng.

+ Ngày 12/10/2022, hai bên thỏa thuận chị H1 sẽ đóng lãi luôn cả hai khoản vay vào ngày 13/10/2022 là 78.000.000 đồng (trong đó khoản 700.000.000 đồng tính lãi từ ngày 10/9/2022 đến ngày 10/10/2022 với số tiền là 63.000.000 đồng (30 ngày), khoản 200.000.000 đồng tính lãi từ ngày 15/9/2022 đến ngày 10/10/2022, với số tiền là 15.000.000 đồng (25 ngày). Ngày 12/10/2022, chị H1 đã chuyển 50.000.000 đồng tiền lãi; ngày 13/10/2022, chị H1 chuyển 28.000.000 đồng tiền lãi cho V (tổng lãi 78.000.000 đồng).

+ Ngày 09/11/2022 là ngày đóng lãi tiếp theo (do tháng 10 có 31 ngày nên thời gian trả lãi sớm hơn 01 ngày so với thỏa thuận). V và chị H1 thỏa thuận nhập 100.000.000 đồng lãi 2 tháng (từ 10/10/2022 – 09/12/2022) vào cho tròn 1.000.000.000 đồng gốc, mỗi tháng thu lãi 90.000.000 đồng. Tổng tiền lãi của 2 tháng này là 171.000.000 đồng, trừ đi số tiền 100.000.000 đồng lãi nhập vào gốc, chị H1 phải trả V 71.000.000 đồng lãi còn lại. Ngày 09/11/2022 chị H1 đã chuyển khoản 71.000.000 đồng lãi cho V.

Ngày 09/11/2022, V và Phan Văn L, sinh năm 1985, trú tại thôn S, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội thỏa thuận cho L góp 500.000.000đ cho chị H1 vay lãi của khoản 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Cùng ngày 09/11/2022, L chuyển khoản cho V số tiền 455.000.000 đồng (đã cắt lãi 01 tháng là 45.000.000 đồng), nội dung chuyển khoản ghi: “em lương chung tiền mua đất của anh”. L tự viết tay vào 01 mảnh giấy thể hiện nội dung “hai anh em chung 1 tỷ, mỗi anh em 500.000.000 đồng, anh V đứng tên công chứng, em L cầm sổ” giao cho V.

Ngày 10/12/2022, chị H1 chưa đủ tiền trả lãi nên chuyển khoản trước 45.000.000 đồng, V đã chuyển khoản cho L 45.000.000đ, nội dung “hang tra”. Ngày 14/12/2022, chị H1 chuyển khoản tiếp số tiền 45.000.000 đồng cho V để trả nốt số tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/01/2023. Từ ngày 10/01/2023 chị H1 không thanh toán gốc và lãi của khoản vay này cho V.

Đối với khoản vay trên, chị H1 vay với lãi suất 109,5%/năm (cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi chị H1 đã trả cho V là 339.000.000 đồng. Số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 61.917.807 đồng, số tiền thu lời

bất chính là: 277.082.193 đồng. Trong đó, số tiền thu lời bất chính của V được hưởng là 203.520.549 đồng, số tiền thu lời bất chính của L được hưởng là: 73.561.644 đồng.

- *Lần thứ 3:* Ngày 18/10/2022, V cho chị H1 vay số tiền 500.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày trả lãi một lần là 25.000.000 đồng. Cùng ngày, V chuyển khoản số tiền 475.000.000 đồng cho chị H1 với nội dung "cho hang muon 500tr 10 ngay", Vui báo cắt lại ngay 10 ngày (từ ngày 18/10/2022 đến ngày 27/10/2022) khoản vay này là 25.000.000 đồng.

Đến ngày 27/10/2022, chị H1 chuyển khoản cho V số tiền 25.000.000 đồng để trả lãi khoản vay trên từ ngày 28/10/2022 đến ngày 07/11/2022. Ngày 07/11/2022, chị H1 chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng tới tài khoản ngân hàng của V để tất toán khoản vay.

Khoản vay 500.000.000 đồng, mức lãi suất 182,5%/năm (vượt quá 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) từ ngày 18/10/2022 trong thời hạn 20 ngày. Tổng số tiền lãi chị H1 đã trả cho V là 50.000.000 đồng. Số tiền lãi V được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 5.479.440 đồng, số tiền thu lời bất chính là 44.520.548 đồng.

- *Lần thứ 4:* Ngày 14/11/2022, chị H1 hỏi vay Vui số tiền 1.800.000.000 đồng. V yêu cầu chị H1 thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis BKS: 30H – 835.42 theo hình thức công chứng chuyển nhượng sang cho Nguyễn Điện N2. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Thời gian trả lãi vào ngày 14 hàng tháng với số tiền là 270.000.000 đồng. Cùng ngày 14/11/2022, L sử dụng tài khoản ngân hàng V2 số 0511000454010 mang tên Phan Văn L chuyển khoản 147.500.000 đồng đến tài khoản của V với nội dung “mua dat em hang soc son”, (trong đó, L trả nợ cũ cho V 20.000.000 đồng). Lương tự cắt lãi 01 tháng của khoản vay 150.000.000 đồng là 22.500.000 đồng. Ngày 14/11/2022, V chuyển khoản cho chị H1 1.275.000.000 đồng, V cắt tiền lãi 30 ngày là 225.000.000 đồng.

+ Ngày 17/11/2022, V cho chị H1 vay tiếp 300.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển 255.000.000 đồng, cắt lãi 30 ngày số tiền là 45.000.000 đồng.

+ Ngày 14/12/2022, chị H1 đề nghị V giảm lãi suất các khoản vay 1.800.000.000 đồng nhưng V không đồng ý. V chỉ đồng ý hạ lãi đối với số tiền 1.550.000.000 đồng, giảm lãi xuống 2.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Cùng ngày 14/12/2022, chị H1 đã chuyển khoản trả V 250.000.000 đồng tiền gốc và 116.250.000 đồng lãi 01 tháng của khoản vay 1.550.000.000 đồng (từ ngày 14/12/2022 đến ngày 14/01/2023). Ngay sau khi nhận được tiền chị H1 trả, V đã chuyển khoản trả L số tiền gốc là 150.000.000 đồng, nội dung “hang tra”. Cùng ngày, H1 chuyển khoản tiếp 45.000.000 đồng trả tiền gốc, còn nợ lại V 1.505.000.000 đồng từ 14/01/2023 đến nay chưa thanh toán gốc và lãi.

Khoản vay 1.800.000.000 đồng, lãi suất 182,5%/năm, từ ngày 14/11/2022 trong thời hạn 01 tháng (vượt quá 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi chị H1 đã trả cho V là 270.000.000 đồng. Số tiền lãi được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 29.589.040 đồng, số tiền thu lời bất chính là 240.410.960 đồng, trong đó số tiền thu lời bất chính V được nhận là 220.383.487 đồng, số tiền thu lời bất chính L được nhận là 20.034.247 đồng nên khoản thu lời bất chính lần này của L không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Ngoài ra, ngày 14/12/2022, chị H1 đã trả V 250.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 1.550.000.000 đồng V đã hạ lãi suất xuống còn 2.500 đồng/1 triệu/1 ngày, lãi suất năm là 91,25%/ năm (vượt quá 4,56 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Chị H1 đã chuyển khoản trả V số tiền lãi là 116.250.000 đồng. Số tiền lãi V được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 25.479.452 đồng, số tiền thu lời bất chính là: 90.770.548 đồng. Do thời điểm này, lãi suất V cho chị H1 vay chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Ngày 03/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện S tiến hành khám xét chỗ ở của V tại thôn N, xã K, huyện Đ, TP Hà Nội.

Kết quả khám xét, tạm giữ:

- + 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29000631 mang tên Trần Thu H1,
- + 01 giấy viết tay ngày 09/01/2023 người viết là Phan Văn L;
- + 01 HĐCN quyền sử dụng đất giữa Phan Thị Minh H3 và Đỗ Văn V ngày 12/9/2022 (bản gốc);

- + 01 HĐCN QSD đất ngày 12/12/2022 giữa Đào Văn H5 và Nguyễn Thị N (bản phô tô); 01 bản sao CMND Đào Quang H6; 01 văn bản thỏa thuận về tài sản riêng vợ chồng giữa Nguyễn Thị N và Đỗ Văn V ngày 12/12/2022 (bản gốc); 01 HĐ mua bán xe ô tô giữa Trần Thu H1 và Nguyễn Điện N2 ngày 17/11/2022 (bản gốc); 01 bản sao căn cước Trần Thu H1; 01 Giấy chứng nhận kết hôn của Trần Thu H1 có dán giấy vàng ghi Hằng vay 500tr; 01 bản sao căn cước công dân và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Điện N2; 01 giấy vay tiền viết tay người vay là Lê Thị Thanh M1; 01 giấy vay tiền người vay là Trịnh Thị Đ; 01 giấy vay tiền viết tay người vay là Trần Thị H7; 01 giấy vay tiền viết tay người vay là Nguyễn Thanh Kim P1; 01 giấy vay tiền viết tay của Lê Thị M2; 01 biên bản bàn giao mặt bằng giữa M2 và V; 01 giấy chuyển nhượng giữa Lê Thị T1 và Đỗ Văn V; 01 giấy viết tay của Lê Thị M2 vay của V 4,18 triệu; 01 HĐ đặt cọc CNQSD đất giữa Lê Thị T1 và Đỗ Văn V; 01 HĐ đặt cọc CNQSD đất giữa Trần Thu H1 và Đỗ Văn V; 01 HĐCN QSD đất giữa gia đình Đào Văn H5 và Nguyễn Thị N ngày 12/12/2022 (bản chính); 01 bản sao căn cước công dân, sổ hộ khẩu Đào Văn H5; 01 bản sao căn cước công dân, sổ hộ khẩu Đào Minh H8; 01 bản sao căn cước Đặng Thị Bình M3; 01 GCN quyền sử dụng đất số K142453 của Đào Văn H5; 01 sổ theo dõi nợ màu xanh da trời; 01 khóa xe ô tô màu đen.

Đối với Nguyễn Điện N2 và Nguyễn Thị N, quá trình điều tra làm rõ N và N2 chỉ được V nhờ đứng tên hộ các Hợp đồng; không biết việc V cho H1 vay lãi nên không đủ căn cứ xử lý.

Đối với chiếc điện thoại V sử dụng liên hệ trao đổi với chị H1 về việc cho vay tiền V đã làm mất.

Đối với những đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét tại nhà V, gồm:

- 01 cuốn sổ theo dõi nợ màu xanh trong đó có các giấy vay tiền:

+ Giấy vay tiền của Vũ Văn H9 vay 10.000.000 đồng: V khai không nhớ nhân thân cụ thể của H9. Trong giấy vay tiền cũng không ghi năm sinh, địa chỉ cụ thể của H9 nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

+ Giấy vay tiền của Lê Tuấn A1, Hoàng Như N4 và Ngô Thị L2: Cả V và Tuấn A1, N4, L2 đều khai Vui cho vay tiền nhưng không tính lãi nên không xem xét, xử lý.

+ Đối với Giấy vay tiền của Lê Thị Thanh M1: V khai M1 vay của V 60.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả cả gốc và lãi do M1 đi làm ăn xa nhà, V không rõ làm ở đâu và không liên hệ được với M1. Cơ quan điều tra đã xác minh tại xã K, huyện Đ xác định M1 đã đi khỏi địa phương từ lâu, hiện không có mặt tại địa phương; không ai biết M1 đi đâu làm gì; không ai liên hệ được với M1. Do vậy, Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được.

- Đối với chìa khóa xe ô tô màu xám, đen là chiếc khóa xe ô tô BKS: 30H9 - 8453 đăng ký chính chủ tên V.

- Đối với đăng ký xe ô tô số 29000631 biển số 30H-835.42 là đăng ký xe chị H1 thế chấp cho V.

- Đối với tờ giấy viết tay màu vàng thể hiện: “H1 sớt sơn 900 triệu”: Đây là ghi chú V ghi vào đó, liên quan đến khoản vay V cho chị H1 vay lần thứ 2 ngày 10/9/2022 đã nêu trên.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4605.2022/HĐCN; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 5339.2022/HĐCN; bản sao chứng minh nhân dân Đào Quang H6; văn bản thỏa thuận về tài sản riêng vợ chồng số công chứng 5338.2022/VBTT; Hợp đồng mua bán xe số công chứng 5150.2022/MBX và bản sao căn cước công dân, giấy xác nhận cư trú Trần Thu H1; Giấy chứng nhận kết hôn của Trần Thu H1 và tờ giấy vàng ghi “hàng vay 500tr”; 01 bản sao đăng ký xe số 29000631; 01 bản sao căn cước công dân Nguyễn Điện N2 và sổ hộ khẩu Nguyễn Điện N2; 01 Hợp đồng mua bán xe số 5150.2022/MBX là tài liệu thể hiện việc V cho H1 vay lãi.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K142453 kẹp bên trong có Hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình Đào Văn H5 và Nguyễn Thị N, sổ hộ khẩu, bản sao căn cước là tài liệu thể hiện V cho H1 vay lãi.

- 01 giấy vay tiền của Trịnh Thị Đ, Trần Thị H7, Lê Thị M2 và Nguyễn Thanh Kim P1: V khai có cho những người này vay nhưng đều không trả Vui cả gốc và lãi. Vui không nhớ nhân thân cụ thể của Đ, H7, M2 và P1. Trong giấy

vay tiền cũng không ghi năm sinh, địa chỉ cụ thể của Những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

- 01 biên bản bàn giao mặt bằng Lê Thị T1; 01 giấy chuyển nhượng Lê Thị T1; 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Thị T1 và Đỗ Văn V. Đây là những tài liệu liên quan đến việc V mua đất nhà bà T1 không liên quan đến vụ án.

Ngày 26/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã tạm giữ của L 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K142034.

Về xử lý vật chứng: Ngày 24/11/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện S đã trả lại V 01 chìa khóa xe ô tô màu xám, đen.

Đối với H7, ngoài lời khai của V không có tài liệu nào khác chứng minh H7 chung 100.000.000 đồng để cho chị H1 vay lãi ngày 14/11/2022. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Về dân sự, ngày 28/02/2024, L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 262.500.000 đồng (gồm: 90.000.000 đồng tiền lãi của khoản gốc vay 500.000.000 đồng từ ngày 09/11/2022 đến ngày 10/01/2023; 150.000.000 đồng tiền gốc và 22.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 14/11/2022).

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã quyết định:** *Tuyên bố:* Bị cáo Đỗ Văn V phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. *Áp dụng:* khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; *Xử phạt:* Đỗ Văn V 15 tháng tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. *Áp dụng:* khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; *Xử phạt:* Phan Văn L 09 tháng tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Bản án sơ thẩm còn có các quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/8/2024, bị cáo Đỗ Văn V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo Phan Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Đỗ Văn V: Giữ nguyên kháng cáo của mình; khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra. Bị cáo công nhận bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan, nay bị cáo đã rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn V là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung:* Bản án sơ thẩm

kết án bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn V được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Đỗ Văn V tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2022 đến ngày 14/12/2022, Đỗ Văn V đã có hành vi cho chị Trần Thu H1 vay tổng số tiền 4.300.000.000 đồng (chia làm 4 lần). Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng gốc, hai bên thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/01 ngày (109,5%/ năm), vượt quá 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đối với số tiền 2.300.000.000 đồng gốc, hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/01 ngày (182,5%/ năm), vượt quá 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong đó, ngày 09/11/2022, Phan Văn L đã góp 500.000.000 đồng cùng với V cho chị H1 vay 1.000.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/01 ngày. Chị H1 đã trả cho V 1.750.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ gốc 2.550.000.000 đồng. Hai bên sử dụng hợp đồng giả cách là lập các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng mua bán xe ô tô để che giấu và hợp thức hoá việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Như vậy, tổng số tiền chị H1 đã trả cho V từ ngày 21/6/2022 đến ngày 14/12/2022 đối với số tiền chị H1 vay 4.300.000.000 đồng là: 716.500.000 đồng (trong đó, số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 129.038.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 587.462.000 đồng). Do đó, bị cáo Đỗ Văn V phải

chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 587.462.000 đồng. Phan Văn L phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm cùng bị cáo V về số tiền gốc 1.000.000.000 đồng cho chị H1 vay (trong đó L góp 500.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng là 161.000.000 đồng, cá nhân L được hưởng lợi bất chính 73.562.000 đồng)

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích công dân, bị cáo biết hành vi cho vay nặng lãi của mình là trái pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố tình thực hiện nhằm thu lợi bất chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Đỗ Văn V, Phan Văn L về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn V:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đỗ Văn V có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo Đỗ Văn V phạm tội nhiều lần, nhân thân đã từng bị kết án. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, bị cáo là cháu ruột Liệt sĩ và hiện là người đang thờ cúng Liệt sĩ Đỗ Xuân M4 để từ đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự và xử bị cáo 15 tháng tù là phù hợp.

- Tại cấp phúc thẩm, xét thấy ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[2.3] Về các nội dung khác

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Phan Văn L, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn V về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn V, cụ thể như sau:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ **Xử phạt bị cáo: Đỗ Văn V 15 (mười lăm) tháng tù** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đỗ Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy